

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 12 - 2023

V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Hồng Thái

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thành Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 298/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị S, sinh năm 1985 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đào Thanh T, sinh năm 1981 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Xóm C T, xã P L, huyện Đ T, tỉnh T N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị S trình bày như sau:

Chị và anh Đào Thanh T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Đ T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm ăn trong miền Nam, khoảng tháng 11 - 12/2012 khi chị đang mang thai con đầu lòng thì phát hiện anh T nghiện ma túy. Tới khi chị sinh con hai vợ chồng về nhà bố mẹ chồng tại xã P L, huyện Đ T sinh sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng do chị khuyên can anh T đi cai nghiện nhưng anh T không đi. Do đó, khi con được vài tháng tuổi chị đã mang

con vào miền Nam làm ăn sinh sống, còn anh T ở nhà, từ đó hai vợ chồng ly thân cho đến nay và cũng không còn quan tâm, chia sẻ về cuộc sống với nhau. Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đào Bảo N, sinh ngày 12/3/2013. Từ năm 2019 đến nay sống với bố và ông bà nội, quan điểm của chị trường hợp anh T muốn nuôi con chị đồng ý, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo đề nghị của anh T là 1.500.000 đồng / 1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Tại Bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Đào Thanh T xác định như sau:

Anh và chị Đinh Thị S kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Đ T, tỉnh T N trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh tại xã P L, huyện Đ T, tỉnh T N. Sau đó hai vợ chồng cùng đi làm xa, tới khoảng năm 2014 anh trở về địa phương sống với bố mẹ còn chị S tiếp tục làm xa, từ đó vợ chồng sống ly thân, ít khi liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng dần xa cách, hiện hai bên không còn tình cảm với nhau do đó anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đào Bảo N, sinh ngày 12/3/2013. Hiện con chung đang sống với anh và bố mẹ anh, quan điểm anh muốn nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Tại đơn xin ở với bố, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án con chung của hai bên đương sự là cháu Đào Bảo N có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố và ông bà nội sau khi bố mẹ ly hôn.

[4]. Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2023 tại địa phương nơi cư trú của anh Đào Thanh T xác định: Cháu Đào Bảo N đã sinh sống cùng với anh Đào Thanh T và bố mẹ đẻ của anh T nhiều năm nay, chị S không có mặt ở địa phương.

[5]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đinh Thị S, cho chị Đinh Thị S được ly hôn với anh Đào Thanh T.

+ Về con chung: Giao con chung là Đào Bảo N, sinh ngày 12/3/2013 cho anh Đào Thanh T nuôi dưỡng. Buộc chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với số tiền 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho tới khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Đinh Thị S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Đinh Thị S và bị đơn anh Đào Thanh T, cùng nơi ĐKKTT tại: xã P L, huyện Đ T, tỉnh T N. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ T, tỉnh T N.

Quá trình giải quyết vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Đào Thanh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa anh Đào Thanh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, đề đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đào Thanh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị S và anh Đào Thanh T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P L, huyện Đ T, tỉnh T N trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn chị Đinh Thị S và anh Đào Thanh T có xảy ra mâu thuẫn, từ khoảng năm 2013, 2014 chị S đi làm xa còn anh T ở nhà tại xã P L, huyện Đ T, hai bên sống ly thân từ đó cho tới nay và ít khi liên lạc do đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, đến nay hai bên đều xác định đã hết tình cảm và đề nghị ly hôn.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S là có cơ sở chấp nhận, cho chị S được ly hôn với anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.2]. *Về con chung*: Đương sự xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Đinh Bảo N, sinh ngày 12/3/2013. Anh T có nguyện vọng muốn nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và đề nghị chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng / 1 tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu N đã trên 07 tuổi và cháu có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn, trên thực tế cháu N cũng đã sống với anh T nhiều năm nay cuộc sống ổn định, chị S đồng ý cho anh T trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là Đào Bảo N cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng con chung, đề nghị của anh T về mức cấp dưỡng, quan điểm đồng ý của chị S tại phiên toà, cần buộc chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với mức cấp dưỡng bằng tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) / 01 tháng cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về nợ chung*: Đương sự xác định không có và không có yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Đinh Thị S, cho chị Đinh Thị S được ly hôn với anh Đào Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đào Bảo N, sinh ngày 12/3/2013 cho anh Đào Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Đinh Thị S phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đào Thanh T với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) / 01 tháng cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Đinh Thị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Đinh Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005111 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Chị S còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Đinh Thị S báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt bị đơn anh Đào Thanh T báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện Đ T;
- TAND tỉnh T N;
- UBND xã P L, huyện Đại Từ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

Nguyễn Triệu Cẩm Chi